

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/KDTM-PT
Ngày 24-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Ngô Kiều Dâng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLPT-KDTM ngày 29/6/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 98/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank); địa chỉ: Tòa nhà TP Bank, số 57 K, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc C - Chuyên viên xử lý nợ Miền Bắc - Khối pháp chế và xử lý nợ của Ngân hàng; (văn bản ủy quyền số 017/2017/GUQ-TPB.BĐH ngày 21/02/2017); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; nơi ĐKNKTT: Số 95 M, phường A, quận L, Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T; cùng trú tại: Số 11/54 Hồ Sen, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông L, bà T: Bà Nguyễn Thị Thanh H; Luật sư của Công ty Luật Khánh Linh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số 178 L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng, (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/4/2011, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong tại Hải Phòng có ký kết với bà Nguyễn Thị H Hợp đồng tín dụng số 01060411RB/HP-TPB/NH.11 với nội dung: Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong tại Hải Phòng cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng);

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 09/4/2011;

Lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 22%/năm; lãi suất thay đổi 1 tháng 1 lần theo quy định của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ vay: Lãi trả hàng tháng (mỗi tháng trả 26.585.000 đồng), gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quang L - bên thế chấp; bà Nguyễn Thị H - bên vay vốn và Chi nhánh Ngân hàng TMCP Tiên Phong - bên nhận thế chấp; tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 136,5m²; đất ở đô thị tại địa chỉ số 7/1 đường bờ mương, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng (nay là số 11/54 Hồ Sen, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2007 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T; chi tiết về việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên.

Trong các tài liệu liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi đánh máy Ngân hàng có ghi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27/6/2001, thực chất ngày cấp là 27/6/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất trên vẫn được Ngân hàng lưu giữ bản chính và đã công chứng nộp kèm theo đơn khởi kiện cho Tòa án. Tại mục 4 của đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 07/4/2011 giữa ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng có ghi “Hợp đồng thế chấp số: 01060411/HĐTC-BDS/HP.11, ký kết ngày 06 tháng 04 năm 2011, số công chứng 1549 ngày 06/4/2011” là do nhầm lẫn trong việc ghi ngày 05/04/2011 thành 06/4/2011, nhưng thực chất là Hợp đồng thế chấp ngày 05/4/2011 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Hải Phòng; trong phần công chứng này cũng thể hiện ngày 05/4/2011 giữa Ngân hàng và vợ chồng bà T, ông L có ký Hợp đồng thế chấp tài sản.

Trong hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng và ông L, bà T; để đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Thị H, ông L, bà T chỉ thế chấp Quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên ông L, bà T còn có một cam kết riêng thể hiện việc ông L, bà T đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản trên đất cho Ngân hàng nhưng cam kết này chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Khi ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05 tháng 04 năm 2011 thì có mặt đầy đủ các bên cụ thể: Bên nhận thế chấp, bên thế chấp, bên được cấp tín dụng và có sự chứng nhận của công chứng viên Nguyễn Thái Bình - Văn phòng công chứng Hải Phòng. Khi lập Hợp đồng thế chấp xong các bên đã đọc lại Hợp đồng và ký vào biên bản. Ông L bà T thỏa thuận và ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay cho bà Nguyễn Thị H là 1.450.000.000 đồng. Ngân hàng khẳng định chữ ký của bên thế chấp trong hợp đồng thế chấp tài sản là của ông L, bà T và cả hai ông bà đều tự nguyện ký kết vào hợp đồng không bị ép buộc.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 09/4/2011 Ngân hàng đã giải ngân 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị H vào tài khoản số 00042505001, chủ tài khoản là Công ty TNHH vật tư vận tải Trường Giang tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong Hải Phòng theo đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 01060411RB/HP-TPB/NH.11. Bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo cũng như liên lạc với bà H qua điện thoại nhưng bà H không hợp tác trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 25/5/2020 bà Nguyễn Thị H đã trả được:

- Tiền lãi trong hạn là 215.878.771 đồng;
- Tiền phạt chậm trả lãi là 1.475.417 đồng.

Bà H còn nợ: 5.419.908.728 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 1.450.000.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 114.600.395 đồng;
- Lãi quá hạn: 3.855.308.333 đồng;
- Phạt chậm trả lãi 309.965.678 đồng.

Tại phiên tòa do việc thỏa thuận lãi phạt chậm trả không phù hợp với quy định của pháp luật nên Ngân hàng rút yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả tiền phạt chậm trả lãi là: 309.965.678 đồng. Đối với số tiền lãi phạt chậm trả bà H đã trả cho Ngân hàng Tòa án trừ cho bà H thì Ngân hàng không có ý kiến gì.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H không thanh toán được khoản nợ nêu trên, Ngân hàng đề nghị tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011.

Đối với tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng và ông L, bà T không ký kết trong Hợp đồng thế chấp tài sản nên nếu phát mại tài sản thì tài sản gắn liền với đất có trị giá bao nhiêu sẽ trả lại cho ông L, bà T.

Bà Nguyễn Thị H - bị đơn trình bày:

Bà H thừa nhận thời điểm, nội dung ký kết hợp đồng tín dụng và việc Ngân hàng giải ngân khoản tiền vay cho bà là đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Riêng đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay và quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có ý kiến trình bày:

Để đảm bảo khoản vay trên bà đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích 136,5m²; đất ở đô thị tại địa chỉ: Số 7/1 đường bờ mương, phường Dur Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng (nay là số 11/54 Hồ Sen, Dur Hàng, Lê Chân, Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2007 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T để thế chấp tại Ngân hàng; chi tiết tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011. Tuy nhiên, trong Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng có ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2001 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T là ghi sai về năm cấp, thực tế cấp ngày 27/6/2007. Đồng thời, hợp đồng thế chấp ghi ngày 05/4/2011 nhưng tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp lại ghi hợp đồng thế chấp ký kết ngày 06/4/2011 là không đúng về ngày ký kết hợp đồng.

Về tài sản trên đất ông L bà T không thế chấp vì đất không đăng ký giao dịch đảm bảo.

Đối với Cam kết thế chấp ngày 05/4/2011 của ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị T thì theo bà là không có giá trị pháp lý vì mô tả phần tài sản trên

đất sai hoàn toàn so với hiện trạng ngày 05/4/2011 và không đăng ký giao dịch đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi được Ngân hàng giải ngân, bà có thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên vì thời gian đã lâu bà không còn nhớ chính xác mình đã trả cho Ngân hàng được bao nhiêu và trả nợ lần cuối vào thời gian nào. Sau khi hết hạn hợp đồng vay vào ngày 09/4/2012 thì ngày 29/5/2012 là lần cuối cùng Ngân hàng có làm việc với bà về khoản vay trên. Tại buổi làm việc Ngân hàng có đề nghị bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tuy nhiên biên bản này làm việc với một mình bà mà không làm việc với ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T. Sau đó không có bất cứ cán bộ Ngân hàng nào đến làm việc cũng như cũng không có bất cứ thông báo nào cho bà và các thành viên trong gia đình bà đang ở tại số 95 Mê Linh, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng về khoản vay trên. Ngoài lần làm việc trên, Ngân hàng không có bất kỳ động thái nào tác động đến bà để bà thực hiện nghĩa vụ của mình và cũng không có bất cứ xác nhận hay đối chiếu công nợ giữa hai bên.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu bà phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 05/4/2011 tính đến ngày 25/5/2020 là 5.419.908.728 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.450.000.000 đồng; lãi trong hạn: 114.600.395 đồng; lãi quá hạn: 3.855.308.333 đồng bà không đồng ý nhưng bà thừa nhận bà chưa trả tiền nợ gốc cho Ngân hàng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, chưa có nguồn trả nợ, bà đề nghị được trả nợ gốc và Ngân hàng xóa lãi và xóa thế chấp đối với khoản vay của bà. Đồng thời bà đề nghị Tòa án xem xét:

Giữa bà và Ngân hàng chưa có bất cứ xác nhận và đối chiếu công nợ với nhau, Ngân hàng làm việc với bà lần cuối vào ngày 29/5/2012, từ đó đến nay Ngân hàng không có lần nào làm việc tiếp với bà nên thời hiệu khởi kiện đối với bà đã hết vì vậy Ngân hàng mất quyền khởi kiện và đề nghị Tòa án ra Quyết định đình chỉ vụ án.

Tài sản gắn liền với đất của ông L và bà T không phải là tài sản thế chấp được ghi trong Hợp đồng thế chấp và chưa được đăng ký giao dịch đảm bảo. Do vậy đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng thế chấp.

Ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; ĐKTT và chỗ ở: Số 95 Mê Linh, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng (là em gái bà Nguyễn Thị T) có ký Hợp đồng tín dụng số 01060411RB/HP-TPB/NH.11 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong vào ngày 05/4/2011 để vay số tiền: 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân là 22%/năm; lãi suất thay đổi 1

tháng 1 lần theo quy định của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên cho bà H, vợ chồng ông L bà T đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích 136,5 m²; đất ở đô thị tại địa chỉ: Số 7/1 đường bờ mương, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng (nay là số 11/54 Hồ Sen, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2007 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T để thế chấp tại Ngân hàng; chi tiết tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011.

Trong Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng có ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2001 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T là ghi sai về năm cấp, thực tế cấp ngày 27/6/2007.

Sau khi ký kết Hợp đồng thế chấp, việc Ngân hàng giải ngân cho bà H và quá trình bà H trả nợ như thế nào ông L, bà T không nắm được. Ông bà không biết bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ thời gian nào, số tiền còn nợ gốc, lãi là bao nhiêu và không có bất cứ cán bộ Ngân hàng nào đến làm việc cũng như thông báo cho ông bà về khoản nợ của bà H.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bà H phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 05/4/2011 tính đến ngày 25/5/2020 là 5.419.908.728 đồng; trong đó nợ gốc là: 1.450.000.000 đồng; lãi trong hạn: 114.600.395 đồng; lãi quá hạn: 3.855.308.333 đồng ông L và bà T không chấp nhận, bởi lẽ:

Thứ nhất: Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà không được thông báo bất cứ tình hình giải ngân tiền vay, trả nợ của bà H cho Ngân hàng như thế nào. Do vậy số nợ gốc và lãi Ngân hàng đưa ra là không có cơ sở để xác nhận. Ngân hàng không có căn cứ để đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của ông bà theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

Thứ hai: Ông L, bà T được biết Ngân hàng làm việc lần cuối cùng với bà H là ngày 29/5/2012. Như vậy Ngân hàng mất quyền khởi kiện do hết thời hiệu. Hơn nữa vợ chồng ông L bà T chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản trên đất.

Ngày 20/11/2018 Tòa án nhân dân quận Lê Chân nhận được đơn khởi kiện của ông bà đối với bà Nguyễn Thị H với lý do: Ngày 01/4/2011 vợ chồng ông bà có ký văn bản thỏa thuận với bà H có nội dung: Ông bà đồng ý cho bà H mượn quyền sử dụng đất trên dùng để thế chấp tại Ngân hàng vay số tiền là 450.000.000 đồng, thời gian thế chấp là 12 tháng (kể từ tháng 4/2011). Sau thời hạn trên, bà H phải trả ngay bản gốc giấy tờ nhà cho vợ chồng ông bà. Sau đó bà

H có đi liên hệ với Ngân hàng và tiến hành các thủ tục vay tiền. Tại Ngân hàng, bà H và vợ chồng ông bà có ký Hợp đồng thế chấp. Nhưng khi ký Hợp đồng thế chấp ông bà không được đọc nội dung Hợp đồng cũng như các hồ sơ đi kèm. Lúc đó tại trụ sở Ngân hàng bà H cùng các cán bộ xung quanh có đưa ra tập giấy tờ và nói “ anh chị cứ yên tâm ký đi, không vấn đề gì đâu”. Do tin T nên ông bà đã ký vào bộ hồ sơ và không biết bà H đã vay vượt quá số tiền 450.000.000 đồng. Hơn nữa Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 05/4/2011 chứ không phải ngày 06/4/2011 như đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27/6/2007 chứ không phải cấp ngày 27/6/2001 như Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ghi. Do vậy ông bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết:

- Thời hiệu khởi kiện đối với vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-KDTM ngày 18/6/2018 đã hết nên Ngân hàng mất quyền khởi kiện.

- Tuyên hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTC-BĐS/HP.11 ngày 05/4/2011.

- Do ông L, bà T thỏa thuận cho bà H vay 450.000.000 đồng nên ông L, bà T sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Đề nghị Ngân hàng trả lại giấy tờ gốc và giải chấp đối với tài sản bảo đảm cho ông, bà.

- Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc ông L, bà T khởi kiện bà H trong cùng vụ án này để đảm bảo quyền lợi của ông L, bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, Điều 323, Điều 343, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong số nợ tính đến ngày 25/5/2020 là 5.418.433.311 đồng (năm tỷ bốn trăm mười tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười một đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.448.524.583 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi tư nghìn năm trăm tám mươi ba đồng); lãi trong hạn 114.600.395 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn ba trăm chín mươi

lăm đồng); lãi quá hạn 3.855.308.333 đồng (ba tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (không bao gồm tiền phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên).

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 7/1 đường bờ mương, phường Dur Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (nay là số 11/54 Hồ Sen, phường Dur Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/6/2007 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T.

Khi xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong phải hoàn trả giá trị công trình xây dựng của bên thứ ba - vợ chồng ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T là 459.692.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐG của Hội đồng định giá tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân), giá trị phát mại còn lại sẽ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết thế chấp của ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T theo mức bảo đảm đã thỏa thuận theo hợp đồng thế chấp số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong chi nhánh Hải Phòng, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị T.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 309.965.678 đồng (Ba trăm linh chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng).

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 113.418.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong số tiền tạm ứng án phí là 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012553 ngày 15/6/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

II. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2020 Tòa án nhân dân quận Lê Chân nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê

Chân, thành phố Hải Phòng và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm trên với lý do tòa án cấp sơ thẩm đưa ra phán quyết không khách quan, không đúng quy định của pháp luật và cho rằng Ngân hàng TPBank mất quyền khởi kiện do hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTD-BDS/HP.11 ký ngày 05/4/2011, công chứng ngày 06/4/2011 chưa có hiệu lực vì chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 05/6/2020 Tòa án nhân dân quận Lê Chân nhận được đơn kháng cáo của ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T kháng cáo một phần Bản án, cụ thể:

- Đề nghị áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án;
- Không đồng ý với phán quyết của Tòa cấp sơ thẩm: Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp (quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7/1 Bờ Mương, Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng) để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp, ngân hàng hoàn trả giá trị công trình xây dựng cho ông L và bà T là 459.692.000 đồng, giá trị phát mại còn lại sẽ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết thế chấp.

- Căn cứ vào thỏa thuận giữa ông bà và bà H thì hai người chỉ chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 450 triệu đồng tiền gốc và 50 triệu đồng tiền lãi, ngân hàng tiến hành trả giấy tờ nhà đất và giải chấp TSTC cho ông bà. Số tiền còn lại chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Do vậy ông L và bà T đề nghị tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và tuyên hết thời hiệu khởi kiện, đình chỉ giải quyết vụ án.

III. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo - Bà H, ông L, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên Bản án kinh

doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 25/5/2020 của TAND quận Lê Chân.

Đối với đề nghị của chị H không đăng công khai Bản án phúc thẩm trên cổng thông tin điện tử của TAND không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017.

Án phí phúc thẩm: Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận Lê Chân nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Lê Chân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nội dung phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

- Xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại thời điểm ký kết các Hợp đồng tín dụng số 01060411RB/HP-TPB/NH.11 ngày 05/4/2011, hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011, Đề nghị giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 09/4/2011 và giấy đã nhận tiền ngày 09/4/2011 giữa các bên đã được ký kết trên cơ sở tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại các điều 323, 342, 343, 715, 716 Bộ luật dân sự 2005, các điều 130, 188 Luật đất đai

năm 2013, khoản 1 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, do vậy các hợp đồng trên đã có hiệu lực, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trên hợp đồng.

Tại điểm 9.8 của hợp đồng tín dụng số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 có thỏa thuận: *“Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ hết hiệu lực khi bên vay và/ hoặc bên bảo đảm đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên cho vay. Khi Hợp đồng này hết hiệu lực thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý”*. Bà H, ông L, bà T chưa hoàn tất nghĩa vụ theo hợp đồng đối với Ngân hàng. Do vậy Hợp đồng tín dụng số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 chưa được thanh lý.

Mặt khác, tại điểm 8.4 của Hợp đồng tín dụng số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 có thỏa thuận: *“Trường hợp bên vay, bên bảo đảm là cá nhân thì việc thông báo, nhắc nợ còn được thực hiện bằng nhắn tin, gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định.”*. Ngân hàng đã nhắc nợ đối với bà H bằng nhiều hình thức trong đó nhiều lần bằng điện thoại chứ không phải là lần cuối bà H làm việc với Ngân hàng vào ngày 29/5/2012. Vì vậy đối với yêu cầu kháng cáo của bà H, ông L, bà T về việc thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Về số tiền nợ:

Trong Hợp đồng tín dụng: Tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng có quy định cụ thể về thời hạn, lịch trả nợ gốc, lãi hàng tháng, số tiền phải trả là bao nhiêu đối với người vay. Căn cứ vào đó các bên phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm tài chính của mình và bản thân bà Nguyễn Thị H thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 1.450.000.000 đồng, được Ngân hàng giải ngân số tiền này. Đến nay chưa trả được toàn bộ nợ gốc, nợ lãi. Điều này khẳng định bà H đã hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ của mình nhưng đã cố tình vi phạm. Vì vậy việc Ngân hàng khởi kiện bà H đòi số tiền nợ gốc, lãi như Tòa án sơ thẩm đã tuyên là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Riêng thỏa thuận về lãi phạt chậm trả chưa phù hợp với quy định pháp luật nguyên đơn đã rút yêu cầu về khoản này và Tòa án đã đình chỉ là đúng quy định. Bà H đã trả một phần nợ lãi trong hạn và phạt chậm trả, Tòa án đã trừ số tiền phạt chậm trả vào khoản nợ gốc của bà H tại ngân hàng, do đó bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 1.448.524.583 đồng.

[5] Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Xét thấy: Trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 và Hợp đồng tín dụng số 01060411RB/HP-

TPB/NH.11 ngày 05/4/2011 có ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2001 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T thực tế cấp là ngày 27/6/2007. Hợp đồng thế chấp ghi ngày 05/4/2011 nhưng tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ghi hợp đồng thế chấp ký kết ngày 06/4/2011. Như vậy là trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có ghi nhầm lẫn không đúng về năm cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, ngày ký kết hợp đồng tín dụng.

Tuy nhiên, như đã phân tích tại phần [3], [4]; Hợp đồng tín dụng số, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các bên, mỗi bên đều được lưu giữ một bản hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H, ông L, bà T không có ý kiến gì, đồng ý thực hiện những cam kết ghi trong hợp đồng. Bà H thừa nhận chưa trả được nợ gốc và chỉ trả được một phần lãi; ông L, bà T thừa nhận có thể chấp Quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do UBND quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 27/6/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ông L bà T đã giao lại ngân hàng tại thời điểm thế chấp, Ngân hàng cũng đang giữ giấy tờ này.

Nên xác định đó chỉ là lỗi sai sót về chính tả không ảnh hưởng gì đến nội dung, bản chất, không xâm phạm đến quyền và lợi ích của các bên liên quan. Vì thế không có căn cứ để hủy Hợp đồng thế chấp tài sản. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ của bên bảo lãnh:

Ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị T cho rằng khi cho bà H mượn tài sản đã thỏa thuận bà H chỉ được vay số tiền tối đa là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) nên sẽ chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000 đồng và số tiền lãi là 50.000.000 đồng. Ngân hàng tiến hành trả lại giấy tờ đất gốc và giải chấp ngôi nhà trên. Số tiền nợ còn lại đề nghị Tòa án buộc bà H có trách nhiệm hoàn tất với Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của ông L bà Tường có đề nghị được trả hết nợ gốc và trả nợ lãi từ khi vay đến ngày 05/12/2012, phần còn lại bà H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là không có cơ sở để chấp nhận

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 05/4/2011 có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tại khoản 1.3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp tài sản quy định: *“Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm đối với các khoản nợ gốc và/ hoặc số dư bảo lãnh và/hoặc số tiền cấp tín dụng (chưa kể lãi, phí, các khoản phải trả khác) tại thời điểm không vượt quá 1.450.000.000 đồng”* và phần cuối của Hợp đồng thế chấp tài sản có ghi: *“các bên đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và chấp thuận ký vào Hợp đồng này để làm bằng”*.

Vậy nên tài sản thế chấp của ông L, bà T là để đảm bảo cho khoản vay 1.450.000.000 đồng của bà H tại Ngân hàng. Ông L bà T không thế chấp tài sản trên đất nhưng quyền lợi của ông bà vẫn được bảo đảm bởi lẽ bản án sơ thẩm đã tuyên: Khi xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng TMCP Tiên Phong phải hoàn trả giá trị công trình xây dựng của bên thứ ba – vợ chồng ông Lê Quan L và bà Nguyễn Thị T là 459.692.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐG của HDDGTS ngày 02/11/2019 của UBND quận Lê Chân).

Từ những căn cứ trên nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H, ông L, bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Việc bà H đề nghị không đăng công khai bản án phúc thẩm trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tối cao là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm - theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông L bà Tường là người cao tuổi theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên miễn án phí phúc thẩm cho ông L bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 124, Điều 323, Điều 343, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T;

1. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong số nợ tạm tính đến ngày 25/5/2020 là 5.418.433.311 đồng (năm tỷ bốn trăm mười tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười một đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.448.524.583 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi tư nghìn năm trăm tám mươi ba đồng); lãi trong hạn 114.600.395 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng); lãi quá hạn 3.855.308.333 đồng (ba tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (không bao gồm tiền phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên).

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 7/1 đường bờ mương, phường Dur Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (nay là số 11/54 Hồ Sen, phường Dur Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 626961, vào sổ cấp GCN số H00101/DH do Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/6/2007 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T.

Khi xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong phải hoàn trả giá trị công trình xây dựng của bên thứ ba - vợ chồng ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T là 459.692.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐG của Hội đồng định giá tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân), giá trị phát mại còn lại sẽ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết thế chấp của ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị T theo mức bảo đảm đã thỏa thuận theo hợp đồng thế chấp số 01060411/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 05/4/2011 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong chi nhánh Hải Phòng, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị T.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 309.965.678 đồng (Ba trăm linh chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng).

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 113.418.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong số tiền tạm ứng án phí là 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai

thu số 0012553 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Bà H đã nộp đủ số tiền này theo biên lai thu tiền số 0013785 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Ông L, bà T được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND quận Lê Chân;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà